TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 850/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 16 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 534/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980; Thường trú: 121GK ấp G Ké, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nơi ở hiện nay: I120, lô I, chung cư T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm: 1980; Thường trú: 10/9 N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 07 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Thanh T và bà Trương Thị Mỹ D .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T và bà Trương Thị Mỹ D cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Trương Thị Mỹ D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2011 ngày 05/12/2011 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho ông T và bà D chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 28/8/2012 và Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 20/7/2014. Khi ly

hôn, hai bên thỏa thuận giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt trưởng thành. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2018, thực hiện vào ngày 01 hàng tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về án phí: Ông T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0011160 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VP, hồ sơ (Thúy).

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai